

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 62/2024/QĐST-DS L, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 154/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ An D, sinh năm 2001

Địa chỉ: 1 H, phường B, Tp., tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Bà Khuất Thị Diễm H, sinh năm 1980

Địa chỉ: A Chung cư G, phường L, Tp., tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2. Bà Hồ Kim D1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: A T, ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Trung T, sinh năm 1987.

Địa chỉ liên lạc: Tổ A, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T1

Địa chỉ: Tổ 30, đường Lê Duẩn, Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

2. Chị Trịnh Võ Ngọc T2, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 1 H, phường B, Tp., tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền : Bà **Hồ Thị Kim D2**, sinh năm 1982

Địa chỉ : **A T, ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

3. Ông **Thái Văn A**, sinh năm 1974.

4. Bà **Trương Thị Kim H1**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ : Ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại **Văn phòng C**, tỉnh Đồng Nai số 00447 quyền số 02/2023-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/02/2023, đối với thửa đất số 108 tờ bản đồ số 13 **xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai**, giữa anh **Hồ An D** và ông **Huỳnh Trung T** vô hiệu.

Anh **Hồ An D** phải thanh toán số tiền nợ 2.150.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 150.000.000 đồng cho ông **Huỳnh Trung T**. Phương thức trả, thời hạn trả như sau: Anh **Hồ An D** phải thanh toán số tiền 2.150.000.000 đồng cho ông **Huỳnh Trung T** trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 22/8/2024. Trong thời hạn 06 tháng nêu trên, mỗi tháng anh **Hồ An D** phải chịu khoản tiền lãi 1% của số tiền 2.150.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản tiền.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu anh **D** chưa thanh toán xong thì ông **T** được làm đơn yêu cầu thi hành án buộc anh **D** phải thi hành số tiền còn phải thanh toán. Lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi anh **Hồ An D** thanh toán xong các khoản tiền cho ông **Huỳnh Trung T** thì ông **Huỳnh Trung T** có trách nhiệm trả lại cho anh **Hồ An D** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 539207 do **UBND huyện L** cấp ngày 18/10/2012 đứng tên ông **Nguyễn Đức G**, bà **Nguyễn Thị H2**, đã được cập nhật sang tên cho anh **Hồ An D** ngày 09/5/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ghi nhận thỏa thuận anh **Hồ An D** phải chịu 37.800.000 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, gồm 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 37.500.000 đồng đối với nghĩa vụ thanh toán nợ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015546 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Hoàn trả ông **Huỳnh Trung T** số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 40.768.750 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015774 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận thỏa thuận anh **Hồ An D** chịu 916.000 đồng chi phí tố tụng. Anh **Hồ An D** đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Trúc